

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 426/2026/HS-ST
Ngày: 16/7/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Bình Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Hồng Nhung.
- Ông Phạm Văn Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Chiêm Tiên Quý Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/7/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 471/2026/HSST ngày 11/6/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 553/2026/QĐXXST-HS ngày 26/6/2026 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Kim T; Sinh năm: 1953 tại Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 9/3/3 Quốc lộ A, khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh); Chỗ ở: như trên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Mỹ S (chết) và bà Võ Thị B (chết); Hoàn cảnh gia đình: Có chồng tên Nguyễn Ngọc E (chết) và 04 con đều đã chết, lớn nhất sinh năm 1981 (chết) và nhỏ nhất sinh năm 1986 (chết); Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày: 15/7/2025; (*Có mặt; Có đơn xin từ chối luật sư chỉ định*).

2/ Bùi Văn C; Sinh năm: 1990 tại Cà Mau (tỉnh Bạc Liêu cũ); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã L, huyện Đ, Bạc Liêu (nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau); C1 ở: Phòng trọ không số nhà S Tỉnh lộ 10, phường B, quận B (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Bùi Văn T1 và bà Phạm Thị N; Hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên Từ Thị Bé H và 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày: 15/7/2025; (Có mặt).

3/ Nguyễn Hoàng N1; Sinh năm: 2002 tại Cà Mau (tỉnh Bạc Liêu cũ); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau); C1 ở: Phòng trọ số A nhà H L, phường T, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hoàng N2 và bà Phạm Út R; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày: 15/7/2025; (Có mặt).

4/ Nguyễn Văn H1; Sinh năm: 1991 tại Cà Mau (tỉnh Bạc Liêu cũ); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm B, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau); C1 ở: Phòng trọ số A địa chỉ số H L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng trọ số A, nhà số H L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H2 (chết) và bà Nguyễn Thị N3 (chết); Hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên Nguyễn Thị T2 và 01 con sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày: 15/7/2025; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 40 phút, ngày 24/6/2025, bị cáo Bùi Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 94B1-233.33 từ phòng trọ số A nhà T L, phường T, quận T, (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) do bị cáo Nguyễn Văn H1 thuê gặp bị cáo H1 và bị cáo Nguyễn Hoàng N1. Sau đó bị cáo C rủ các bị cáo N1, H1 sử dụng ma túy, thì các bị cáo N1, H1 nói không có tiền, bị cáo C nói “để anh mua cho khi nào đi làm có tiền thì mỗi người gửi anh vài chục” thì các bị cáo N1, H1 đồng ý.

Sau đó bị cáo Bùi Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 94B1-233.33 đi đến số 9/3/3 Quốc lộ A, Khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh) gặp bị cáo Nguyễn Kim T mua 150.000 đồng ma túy “đá” và 01 nỏ thủy tinh với giá 30.000 đồng. Sau khi mua ma túy bị cáo C mang về phòng trọ, bị cáo N1 lấy chai nước đưa cho bị cáo C, bị cáo C làm bình hút, đổ ma túy vào nỏ đốt, hút trước rồi đến lượt bị cáo H1 và bị cáo N1, cả ba thay phiên nhau sử dụng khoảng 03, 04 lần thì bị cáo C có điện thoại nên dọn

đẹp bộ dụng cụ sử dụng ma túy bên trong vẫn còn 01 lượng ít ma túy và đem bộ dụng cụ sử dụng ma túy đi về.

Đến khoảng 19 giờ 35 phút cùng ngày, bị cáo C điều khiển xe đi đến trước nhà số F A, phường B, quận B (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) thì bị Tổ công tác 363 Công an Thành phố H kiểm tra thu giữ 01 ống thủy tinh chứa tinh thể, 01 nắp nhựa màu đỏ dính chất bột, nên đưa về trụ sở làm việc.

Qua truy xét Cơ quan Công an tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo Nguyễn Kim T tại nhà số I Quốc lộ A, Khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An, thu giữ: 01 gói ny lon chứa tinh thể không màu, 05 ống thủy tinh đầu tròn nên đưa về trụ sở làm việc.

Cơ quan công an làm việc với các bị cáo Bùi Văn C, Nguyễn Hoàng N1, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Kim T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của những người liên quan, kết luận giám định ma túy, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

Đối với bị cáo Nguyễn Kim T khai nhận: Ngày 15/6/2025, bị cáo T mua ma túy của đối tượng H3 (không rõ lai lịch) với 600.000 đồng, về chia thành 06 gói, bị cáo T đã bán được cho 04 người đàn ông (không rõ lai lịch), mỗi gói với giá 150.000 đồng/ gói. Đây là lần đầu tiên, bị cáo T bán ma túy và bộ dụng cụ cho bị cáo Bùi Văn C với tổng số tiền 180.000 đồng.

Đối với bị cáo Bùi Văn C khai nhận: Số ma túy bị thu giữ trong bộ dụng cụ bị cáo C mang về để tự sử dụng cho bản thân, bị cáo C không yêu cầu các Nhất, H1 góp tiền và các bị cáo N1, H1 cũng không biết số lượng ma túy bị thu giữ.

Tại Kết luận giám định số 8713/KL-KTHS ngày 02/7/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H thu của bị cáo Bùi Văn C kết luận: *Tinh thể được ký hiệu mẫu m1 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1961g (không thấy một chín sáu một gam) loại Methamphetamine”.*

Tại Kết luận giám định số 8764/KL-KTHS ngày 04/7/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H thu giữ của bị cáo Nguyễn Kim T kết luận: *Tinh thể được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0465g (không thấy không bốn sáu năm gam) loại Methamphetamine”*

Vật chứng thu giữ:

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 2617/25 có chữ ký của giám định viên Lê Thị H4 và cán bộ điều tra T3 Lê Tuấn K, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 2644/25 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Xuân S1 và cán bộ điều tra Chu Ngọc T4, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 bình thủy tinh, 01 bật lửa, 01 ống nhựa màu trắng, 01 nắp nhựa màu đỏ.

- 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi A3, màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Oneplus màu vàng, thu giữ của bị cáo Bùi Văn C sử dụng liên lạc cá nhân.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn H1, sử dụng liên lạc cá nhân.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, thu giữ của bị cáo Nguyễn Hoàng N1, sử dụng liên lạc cá nhân.

- 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade gắn biển số 94B1-233.33, số máy JF46E5166679, số khung RLHJF46140EY492662.

Qua xác minh số máy JF46E5166679, số khung RLHJF46140EY492662, xe có biển số thật là 66G1-242.63 do anh Nguyễn Văn L, ngụ Phú Lợi A, Phú Thuận B, Hồ N, Đồng Tháp (nay là xã L, Đồng Tháp) đứng tên chủ sở hữu. Đầu năm 2025, anh L1 bán xe cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 15.000.000 đồng, không làm giấy tờ sang tên. Qua làm việc bị cáo C khai nhận mua xe vào tháng 8/2025 tại B của một người đàn ông (không rõ lai lịch), nhưng không làm giấy tờ sang tên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra các bị cáo Bùi Văn C, Nguyễn Hoàng N1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Kim T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Tại bản Cáo trạng số 108/CT-VKS-KV9 ngày 08/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo:

- Nguyễn Kim T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bùi Văn C về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Nguyễn Hoàng N1 và Nguyễn Văn H1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo T thừa nhận lần đầu tiên bán ma túy cho bị cáo C. Các bị cáo T, C, N1, H1 đã khai nhận hành vi đã thực hiện như nội dung Cáo trạng nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 251; điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên

bị cáo Nguyễn Kim T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Kim T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

2. Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bị cáo Bùi Văn C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn C từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội từ 09 năm 06 tháng đến 11 năm 06 tháng tù.

3. Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bị cáo Nguyễn Hoàng N1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N1 từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.

4. Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị xem xét.

- Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 2617/25 có chữ ký của giám định viên Lê Thị H4 và cán bộ điều tra T3 Lê Tuấn K, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 2644/25 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Xuân S1 và cán bộ điều tra Chu Ngọc T5, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 bình thủy tinh; 01 bật lửa; 01 ống nhựa màu trắng; 01 nắp nhựa màu đỏ.

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn C 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Readmi A3, màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Oneplus màu vàng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H1 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng N4 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade gắn biển số 94B1-233.33, số máy JF46E5166679, số khung RLHJF46140EY492662. Do xe trên bị cáo C dùng vào việc phạm tội.

Các bị cáo T, C, N4, H1 không tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh và nói lời sau cùng có nội dung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, tội danh và tính hợp pháp của các quyết định tố tụng: Lời khai nhận của các bị cáo Bùi Văn C, Nguyễn Hoàng N1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Kim T là khách quan, phù hợp với các Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh lập, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng, kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 24/6/2025, các bị cáo Bùi Văn C, Nguyễn Hoàng N1 và Nguyễn Văn H1 có hành vi hùn tiền mua ma túy của bị cáo Nguyễn Kim T về tổ chức sử dụng trái phép ma túy tại phòng trọ số A nhà T L, phường T, quận T, (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) do bị cáo Nguyễn Văn H1 thuê. Ngoài ra bị cáo Bùi Văn C có hành vi cất giấu khối lượng 0,1961 gam loại Metamphetamine nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện, bắt giữ.

Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Kim T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; các bị cáo Nguyễn Văn C2, Nguyễn Hoàng N1, Bùi Văn H5 đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Phạm tội đối với 02 người trở lên”; ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn C2 còn phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H đối với các bị cáo về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” (đối với bị cáo T), “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” (đối với các bị cáo C2, N1, H5) và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (đối với bị cáo C2), Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 (đối với bị cáo T), “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 (đối với các bị cáo C2, N1, H5) và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 (đối với bị cáo C2) là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục luật định và ý kiến phát biểu tại phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá nội dung vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm Luật phòng chống ma túy, ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội,

đồng thời hành vi mua bán, tàng trữ nhằm sử dụng trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy còn là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đây là vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” do bị cáo Nguyễn Kim T thực hiện; “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” do các bị cáo Bùi Văn C, Nguyễn Hoàng N1, Nguyễn Văn H1 thực hiện và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” do bị cáo Bùi Văn C thực hiện; bị cáo T đã có hành vi bán ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy cho bị cáo C với số tiền 180.000 đồng; bị cáo C mang về cùng các bị cáo N1, H1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và số ma túy còn lại bị cáo C cất giấu để tiếp tục sử dụng. Do vậy, các bị cáo T, C phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy trên. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét để lượng hình phạt phù hợp đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[3] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện; bị cáo T phạm tội khi ngoài 70 tuổi nên xem xét áp dụng điểm s, o (đối với bị cáo T) khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhưng không thu lợi bất chính, đồng thời có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade gắn biển số 94B1-233.33, số máy JF46E5166679, số khung RLHJF46140EY492662. Do xe trên bị cáo C dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 2617/25 có chữ ký của giám định viên Lê Thị H4 và cán bộ điều tra T3 Lê Tuấn K, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 2644/25 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Xuân S1 và cán bộ điều tra Chu Ngọc T5, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 bình thủy tinh; 01 bật lửa; 01 ống nhựa màu trắng; 01 nắp nhựa màu đỏ.

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn C 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi A3, màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Oneplus màu vàng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H1 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng N4 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Các bị cáo không tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của của đại diện Viện kiểm sát khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh và nói lời sau cùng có nội dung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nào được đề nghị xem xét trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với bị cáo Nguyễn Kim T có hành vi bán ma túy cho nhiều người ngoài lời khai của bị cáo T, không còn chứng cứ nào khác để chứng minh nên chưa đủ cơ sở để xử lý hành vi phạm tội “02 lần trở lên”. Ngoài ra thu giữ của bị cáo T với khối lượng 0,0465g loại Methamphetamine nhưng do chưa đủ khối lượng để xử lý về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

Đối tượng H3 bán ma túy cho bị cáo T, do bị cáo T không biết rõ nhân thân lai lịch nên chưa làm việc được. Hiện Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm (riêng bị cáo Nguyễn Kim T được miễn án phí) theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Bùi Văn C phải chấp hành một hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (Mười một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2025.

2/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim T 04 (Bốn) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2025.

3/ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N1 09 (Chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2025.

4/ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 09 (Chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2025.

5/ Căn cứ vào các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade gắn biển số 94B1-233.33, số máy JF46E5166679, số khung RLHJF46140EY492662.

Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 2617/25 có chữ ký của giám định viên Lê Thị H4 và cán bộ điều tra T3 Lê Tuấn K, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 2644/25 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Xuân S1 và cán bộ điều tra Chu Ngọc T5, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 bình thủy tinh; 01 bật lửa; 01 ống nhựa màu trắng; 01 nắp nhựa màu đỏ.

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn C 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi A3, màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Oneplus màu vàng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H1 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng N4 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đang tạm giữ các vật chứng trên theo Lệnh nhập kho vật chứng số B19103/LNK-CSMT ngày 08/12/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an Thành phố Hồ Chí Minh).

6/ Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Văn C, Nguyễn Hoàng N1, Nguyễn Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Kim T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

7/ Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra làm rõ đối tượng tên H3 (không rõ lai lịch) đã bán ma túy cho bị cáo T khi nào phát hiện, truy tìm được thì xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

8/ Các bị cáo Nguyễn Kim T, Bùi Văn C, Nguyễn Hoàng N1, Nguyễn Văn H1 có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND KV9-TP.HCM;
- Trại tạm giam, trại giam;
- Phòng PV06 – Công an TP.HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Bình Thiện